

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21-9-2023
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Ông Bùi Mạnh Quyết.

2- Bà Nguyễn Thị Thu Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 196/2023/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bạch Thị Linh N, sinh năm 2002. Địa chỉ: Ấp Voi Đình, xã Đ, huyện T, tỉnh Long An. (có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông Dương Quốc B, sinh năm 2002. Địa chỉ: Ấp 2, xã L, huyện T, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày ngày 12-6-2023 và bản khai sự việc, nguyên đơn là bà Bạch Thị Linh N trình bày: Sau thời gian tìm hiểu, năm 2022 bà N và ông Dương Quốc B làm lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận kết hôn số 52/2022 ngày 21-9-2022. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng dần dần về sau thường xảy ra nhiều mâu thuẫn do khác biệt quan điểm sống. Tháng 02 năm 2023, bà N về bên cha mẹ ruột ở và vợ chồng không còn liên lạc với nhau, sự việc kéo dài không thể hàn gắn

và tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Nay tình trạng mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, do đó bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B. Về con chung, bà N và ông B có 02 con chung tên Bạch Thị Hồng A1, sinh ngày 13-01-2021 và Dương Thiên A2, sinh ngày 09-9-2022, hiện tại ông B đang trực tiếp nuôi 02 con chung. Khi ly hôn bà N giao ông B trực tiếp nuôi 02 con, bà N không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tòa án đã thông báo cho bị đơn là ông Dương Quốc B biết việc thụ lý giải quyết yêu cầu ly hôn của bà N, thông báo về việc hòa giải nhưng ông B không trình bày ý kiến gửi Tòa án, không tham gia tố tụng do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, tư cách người tham gia tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung: hôn nhân giữa bà N với ông B là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T theo giấy chứng nhận kết hôn số 52/2022 ngày 21-9-2022. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Tháng 02 năm 2023, bà N về bên cha mẹ ruột ở và vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, chia sẻ công việc với nhau, mâu thuẫn kéo dài vợ chồng không hàn gắn được, nay bà N xin ly hôn và ông B không phản đối. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cho bà N ly hôn với ông B. Về con chung, hiện tại ông B đang trực tiếp nuôi 02 con chung, khi ly hôn bà N giao ông B trực tiếp nuôi 02 con, ông B không phản đối ý kiến của bà N. Do đó giao ông B trực tiếp nuôi 02 con chung và bà N phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện bà Bạch Thị Linh N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Dương Quốc B nên xác định tranh chấp giữa bà N với ông B là tranh chấp về ly hôn. Căn cứ theo Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An có thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, do đó Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Theo lời trình bày của bà N và tài liệu đã thu thập xác định hôn nhân giữa bà N với ông B là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T theo giấy chứng nhận kết hôn số 52/2022 ngày 21-9-2022. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng thiếu tôn trọng nhau nên thường bất đồng ý kiến. Tháng 02 năm 2023, bà N về bên cha mẹ ruột ở và vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, chia sẻ công việc với nhau, mâu thuẫn kéo dài vợ chồng không hàn gắn được, bà N xin ly hôn và ông B không phản đối. Như vậy hôn nhân giữa bà N và ông B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, cho bà N được ly hôn với ông B.

[3] Về nuôi con chung: Bà N và ông B có 02 con chung tên Bạch Thị Hồng A1, sinh ngày 13-01-2021 và Dương Thiên A2, sinh ngày 09-9-2022, khi ly hôn bà N giao ông B trực tiếp nuôi 02 con chung. Xét thấy hiện tại ông B đang nuôi và chăm sóc 02 con chung, ông B không phản đối ý kiến của bà N, do đó giao ông B trực tiếp nuôi 02 con chung để không gây ảnh hưởng đến tâm lý của con.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định thì sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên; Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Ông B không từ chối nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của bà N, do đó bà N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 01 con chung là Dương Thiên A2, sinh ngày 09-9-2022. Mức cấp dưỡng mỗi tháng là 900.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 9 năm 2023 đến khi con đủ 18 tuổi. Bà N được quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N trình bày không có, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì bà N phải chịu 300.000 đồng án phí về ly hôn và 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều: 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bạch Thị Linh N đối với ông Dương Quốc B.

Về hôn nhân: Bà Bạch Thị Linh N được ly hôn với ông Dương Quốc B.

Về nuôi con chung: Giao ông Dương Quốc B trực tiếp nuôi 02 con chung tên Bạch Thị Hồng A1, sinh ngày 13-01-2021 và Dương Thiên A2, sinh ngày 09-9-2022. Buộc bà Bạch Thị Linh N phải cấp dưỡng nuôi con 01 con chung là Dương Thiên A2 mỗi tháng là 900.000 (Chín trăm ngàn) đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 9 năm 2023 đến khi con đủ 18 tuổi.

Bà Bạch Thị Linh N được quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

2- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bạch Thị Linh N phải chịu 600.000 đồng và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0001113 ngày 24-7-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa. Bà Bạch Thị Linh N còn phải nộp thêm là 300.000 (Ba trăm ngàn đồng).

3- Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- UBND xã Long Thuận;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Quốc Tiến